

## **ĐIỀU LỆ**

### **CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI Á**

*(Đã được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường 2013 tổ chức chính thức ngày 25/9/2013 sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 19 và được đăng ký hiệu lực toàn văn Điều lệ tại Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thẩm quyền theo quy định)*

### **PHẦN MỞ ĐẦU**

#### **Căn cứ:**

- Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Thông tư số 28/2011/TT-NHNN ngày 01/9/2011 của Ngân hàng Nhà nước “Quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp”;
- Thông tư số 04/2012/TT-NHNN ngày 08/3/2012 của Ngân hàng Nhà nước “Quy định về nghiệp vụ nhận ủy thác và ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”;
- Điều lệ Đại Á Ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 724/QĐ-NHNN ngày 23/5/2005, số 207/QĐ-NHNN ngày 05/02/2009, số 2997/QĐ-NHNN ngày 16/12/2010, số 1316/QĐ-NHNN ngày 03/7/2012, Công văn số 9984/NHNN-TTGSNH ngày 23/12/2010 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua ngày 19/4/2012 bổ sung Điều 5.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á (sau đây viết tắt là Đại Á Ngân hàng) là ngân hàng thương mại cổ phần, được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0036 NH-GP ngày 23/6/1993, Quyết định số 2402/QĐ-NHNN ngày 11/10/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần thứ 20) số 3600251642 ngày 28/6/2013. Tổ chức và hoạt động của Đại Á Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.





# ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI Á

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### MỤC 1 ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1: Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
2. "*Luật các Tổ chức tín dụng*" có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010
3. "*Pháp luật*" có nghĩa là tất cả Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định này.
4. "*Đại Á Ngân hàng*" được sử dụng trong Điều lệ này là tên viết tắt của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á.
5. "*Địa bàn kinh doanh*" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Đại Á Ngân hàng mà tại đó Đại Á Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
6. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
7. "*Ngày thành lập*" là ngày mà Đại Á Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.
8. "*Vốn pháp định*" là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
9. "*Ban Điều hành*" bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Đại Á Ngân hàng.
10. "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân có quan hệ với Đại Á Ngân hàng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a. Đại Á Ngân hàng đối với các công ty con của Đại Á Ngân hàng và ngược lại; các công ty con của Đại Á Ngân hàng với nhau.
  - b. Đại Á Ngân hàng đối với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Đại Á Ngân hàng hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại.
  - c. Đại Á Ngân hàng đối với cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ trở lên tại Đại Á Ngân hàng và ngược lại.
  - d. Đại Á Ngân hàng đối với người có quan hệ thân thuộc (gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi; anh, chị, em ruột) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ trở lên của Đại Á Ngân hàng và ngược lại.
  - đ. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm trên.



11. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian Đại Á Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Đại Á Ngân hàng thông qua bằng nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nếu pháp luật có yêu cầu.
12. "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
13. "*Cổ đông*" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Á Ngân hàng và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Đại Á Ngân hàng với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần.
14. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc nắm giữ từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
15. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Đại Á Ngân hàng phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Á Ngân hàng. Cổ phiếu của Đại Á Ngân hàng có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
16. "*Sổ đăng ký cổ đông*" là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
17. "*Đại hội đồng cổ đông*" hoặc "*Đại hội*" là Đại hội đồng cổ đông của Đại Á Ngân hàng.
18. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Đại Á Ngân hàng, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
19. "*Công ty liên kết*" là doanh nghiệp do Đại Á Ngân hàng nắm giữ cổ phần, vốn góp dưới mức cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài hoặc công ty ở nước ngoài.
20. "*Đơn vị trực thuộc*" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Đại Á Ngân hàng, bao gồm Sở Giao dịch, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
21. "*Đơn vị thành viên*" là các đơn vị trực thuộc và công ty có liên quan của Đại Á Ngân hàng.
22. "*Lợi nhuận*" là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: chênh lệch giữa tổng doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ với tổng chi phí dịch vụ trong kỳ và chênh lệch giữa tổng doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính với tổng chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ; lợi nhuận khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.
23. "*Hoạt động ngân hàng*" là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
24. "*Hoạt động đầu tư*" là hoạt động thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh và dịch vụ về đầu tư tài chính.
25. "*Người đại diện theo pháp luật*" của Đại Á Ngân hàng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.



26. “Người đại diện theo ủy quyền” là cá nhân được Đại Á Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Đại Á Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Đại Á Ngân hàng.
27. “Người quản lý khác” bao gồm Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trực thuộc Đại Á Ngân hàng; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Chi nhánh, Sở giao dịch; trưởng, phó phòng/ban/đơn vị trực thuộc Hội sở chính và thuộc Sở giao dịch, chi nhánh, trưởng Văn phòng đại diện của Đại Á Ngân hàng.
28. Trong điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những quy định hoặc văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế các quy định hoặc văn bản pháp luật đó vào từng thời điểm.
29. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
30. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **MUC 2**

### **TÊN GỌI, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI Á NGÂN HÀNG**

#### **Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động**

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0036 NH-GP ngày 23/6/1993, Quyết định số 2402/QĐ-NHNN ngày 11/10/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng thương mại cổ phần Nông thôn sang Ngân hàng thương mại cổ phần Đô thị và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần thứ 20) số 3600251642 ngày 28/6/2013, và có:

1. Tên của Ngân hàng : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI Á.  
 Tên viết tắt bằng tiếng Việt: ĐẠI Á NGÂN HÀNG  
 Tên bằng tiếng Anh : DAI A Commercial Joint - Stock Bank  
 Tên viết tắt : DAI A Bank
2. Ngân hàng là Ngân hàng Thương mại cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở chính đặt tại: 56 - 58 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.  
 Điện thoại : (061) 3 846 831  
 Fax : (061) 3 842 926  
 Email : info@daiabank.com.vn  
 Trang Web : www.daiabank.com.vn
4. Đại Á Ngân hàng được phép mở Sở Giao dịch, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, văn phòng đại diện tại các địa bàn trong và ngoài nước theo nhu cầu hoạt động, kể cả nơi đặt trụ sở chính sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản; thành lập công ty trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Điều 32 Luật sửa đổi, bổ



sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Đại Á Ngân hàng được thành lập Công ty trực thuộc để hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho Đại Á ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

5. Người đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai và các Ngân hàng thương mại trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
7. Có bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 99 năm (chín mươi chín năm) kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Đại Á Ngân hàng có thể gia hạn thời hạn hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và chỉ được tiếp tục hoạt động khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

### **Điều 3: Mục tiêu, lĩnh vực kinh doanh và hoạt động của Đại Á Ngân hàng**

1. Mục tiêu của Đại Á Ngân hàng là trở thành một ngân hàng thương mại hiện đại trong cả nước; cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng với chất lượng và hiệu quả cao.
2. Mục tiêu hoạt động của Đại Á Ngân hàng là tối đa hóa lợi nhuận, tích lũy đầu tư cho phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.
3. Lĩnh vực kinh doanh của Đại Á Ngân hàng bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Mọi thay đổi về lĩnh vực kinh doanh của Đại Á Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản nếu pháp luật có quy định.

### **Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Đại Á Ngân hàng được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép khác do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật để đạt được các mục tiêu của Đại Á Ngân hàng.
2. Đại Á Ngân hàng có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này.
3. Đại Á Ngân hàng có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả trong nước và ngoài nước khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

## **MỤC 3** **CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA ĐẠI Á NGÂN HÀNG**

### **Điều 5: Hoạt động của Đại Á Ngân hàng**

#### **1. Huy động vốn**

Đại Á Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

- a. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;



- b. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- c. Vay vốn của các tổ chức tín dụng Việt Nam, tổ chức tín dụng liên doanh và tổ chức tín dụng nước ngoài;
- d. Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn;
- đ. Các hình thức huy động vốn khác hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- e. Việc huy động vốn có thể bằng đồng Việt Nam hay ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Hoạt động tín dụng

Đại Á Ngân hàng cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dưới các hình thức sau:

- a. Cho vay;
- b. Bảo lãnh;
- c. Cho thuê tài chính;
- d. Chiết khấu công cụ chuyên nhượng và giấy tờ có giá khác;
- đ. Bao thanh toán;
- e. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

## 3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

- a. Đại Á Ngân hàng mở tài khoản, cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- b. Đại Á Ngân hàng tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước; tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

## 4. Các dịch vụ ngân hàng thương mại khác

Đại Á Ngân hàng thực hiện các hoạt động sau:

- a. Kinh doanh trên thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường giao dịch kỳ hạn, phái sinh trong nước và nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật và phạm vi hoạt động của Đại Á Ngân hàng;
- b. Kinh doanh vàng trên thị trường trong và thị trường quốc tế;
- c. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý;
- d. Tư vấn tài chính và tiền tệ cho khách hàng hoặc qua các Công ty trực thuộc Đại Á Ngân hàng được thành lập theo quy định của pháp luật.
- đ. Bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá; cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
- e. *Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*
- f. *Các ngành nghề hoạt động bao thanh toán;*



- g. Tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- h. Mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- i. Tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
- j. Lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- k. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6: Hoạt động đầu tư**

Đại Á Ngân hàng thực hiện hoạt động đầu tư thông qua các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ mà Đại Á Ngân hàng nắm cổ phần chi phối theo quy định của pháp luật. Hoạt động đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:

1. Tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư chứng khoán;
2. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
3. Môi giới và tự doanh chứng khoán;
4. Quản lý và/hoặc phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán;
5. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
6. Các hoạt động đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7: Dịch vụ bảo hiểm**

Đại Á Ngân hàng kinh doanh các dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty con, liên doanh hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:

1. Bảo hiểm nhân thọ;
2. Bảo hiểm phi nhân thọ;
3. Tái bảo hiểm;
4. Các loại hình bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8: Các hoạt động khác**

Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Đại Á Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác bao gồm các lĩnh vực nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:

1. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
2. Thành lập công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;
3. Góp vốn với các tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.



### **Điều 9: Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Đại Á Ngân hàng tuân thủ các quy định về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và theo các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng theo quy định của pháp luật, thực hiện dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 10: Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động Ngân hàng**

1. Đại Á Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.
2. Đại Á Ngân hàng có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 11: Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng**

1. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Đại Á Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đại Á Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động tham gia thành lập và hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

## **CHƯƠNG II** **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU** **MỤC 1** **VỐN ĐIỀU LỆ**

### **Điều 12: Vốn điều lệ**

1. Vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng là **3.100.000.000.000 đồng** (Ba ngàn một trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Tổng số vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng được chia thành 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) cổ phần với mệnh giá 10.000đ (mười ngàn đồng).
3. Vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
4. Đại Á Ngân hàng đảm bảo mức vốn Điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
5. Vốn Điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
  - a. Mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định của Đại Á Ngân hàng nhưng không vượt quá 50% vốn tự có;
  - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - c. Thành lập Công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - d. Cho vay;Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.



### **Điều 13: Thay đổi vốn điều lệ**

Đại Á Ngân hàng có thể thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

1. Các hình thức tăng vốn Điều lệ:
  - a. Phát hành thêm cổ phần để huy động thêm vốn.
  - b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần.
  - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của Đại Á Ngân hàng.
  - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
  - đ. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
2. Việc giảm vốn điều lệ của Đại Á Ngân hàng phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.
4. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của Công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn Điều lệ mới.
5. Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ này.

## **MUC 2** **CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

### **Điều 14: Cổ phần**

1. Mỗi cổ phần của Đại Á Ngân hàng có mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng). Số lượng cổ phần của Đại Á Ngân hàng bằng vốn Điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng tại thời điểm thông qua Điều lệ này được chia thành 310.000.000 (ba trăm mười triệu) cổ phần.
3. Toàn bộ cổ phần của Đại Á Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Đại Á Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi, người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau:
  - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
  - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;



- c. Cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

#### **Điều 15: Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Đại Á Ngân hàng (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 16: Giới hạn sở hữu cổ phần**

1. Một cổ đông cá nhân được sở hữu tối đa 10% vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa 20% vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng.
3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng.
4. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước quyết định mức sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/ 2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

#### **Điều 17: Chào bán cổ phần**

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá trị thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Đại Á Ngân hàng;
  - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Đại Á Ngân hàng phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Đại Á Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
  - a. Đại Á Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ đăng ký với Đại Á Ngân hàng) của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;
  - b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ



thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Đại Á Ngân hàng phát hành;

- c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
  - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Đại Á Ngân hàng đúng như đã thông báo thì cổ đông có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Đại Á Ngân hàng hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Đại Á Ngân hàng.
  4. Sau khi cổ phần được bán, Đại Á Ngân hàng phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Đại Á Ngân hàng có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng minh quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Đại Á Ngân hàng.

### **Điều 18: Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Đại Á Ngân hàng:

Đại Á Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

  - a. Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - b. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Đại Á Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
  - c. Đại Á Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Đại Á Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Đại Á Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Đại Á Ngân hàng.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Đại Á Ngân hàng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.



Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Đại Á Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
  - a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Đại Á Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Đại Á Ngân hàng có quyền yêu cầu Đại Á Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Đại Á Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Đại Á Ngân hàng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;
  - b. Đại Á Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Đại Á Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp đề cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:
  - a. Đại Á Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này. Nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Đại Á Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Đại Á Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;
  - c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Đại Á Ngân hàng;
  - d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Đại Á Ngân hàng giảm hơn 10% thì Đại Á Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

### **Điều 19: Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.



3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
  - a. Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu;
  - b. Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.
4. *Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Đại Á không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.*
5. *Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp các Thành viên này:*
  - a. *Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;*
  - b. *Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;*
  - c. *Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định của Luật các tổ chức tín dụng.*

#### **Điều 20: Thừa kế cổ phần**

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Đại Á Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

#### **Điều 21: Sổ đăng ký cổ đông**

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Đại Á Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
  - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.



2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Đại Á Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.  
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần của Đại Á Ngân hàng có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22: Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Đại Á Ngân hàng phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Á Ngân hàng. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
2. Cổ phiếu của Đại Á Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Đại Á Ngân hàng;
  - h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Đại Á Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;
  - i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Cổ phiếu của Đại Á Ngân hàng không được sử dụng để cầm cố tại Đại Á Ngân hàng.
4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại Á Ngân hàng đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn Điều lệ mới, Đại Á Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông trong trường hợp cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ.

## **Điều 23: Phát hành trái phiếu**

Ngoài việc tuân thủ theo quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của Đại Á Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau đây:

1. Tuân thủ quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và hướng dẫn tại các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Đối với trái phiếu chuyển đổi:
  - a. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Đại Á Ngân hàng phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;



- b. Việc Đại Á Ngân hàng phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
- c. Đại Á Ngân hàng quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- d. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

### **CHƯƠNG III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG**

### **MỤC 1**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

#### **Điều 24: Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Đại Á Ngân hàng gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc;
4. Ban Kiểm soát.

### **MỤC 2**

## **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 25: Cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Đại Á Ngân hàng, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Đại Á Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Đại Á Ngân hàng.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Đại Á Ngân hàng thực hiện theo khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 26: Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông của Đại Á Ngân hàng có các quyền sau đây:
  - a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho Đại Á Ngân hàng theo quy định tại Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại và Điều lệ Đại Á Ngân hàng;
  - c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý;



- d. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
  - đ. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh Nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.
2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.
  3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 27: Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông của Đại Á Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
  - a. Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Đại Á Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Đại Á Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Đại Á Ngân hàng.
  - b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Đại Á Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng, trừ trường hợp được Đại Á Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Đại Á Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
  - c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Đại Á Ngân hàng;
  - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Đại Á Ngân hàng, trong trường hợp Đại Á Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Đại Á Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thật sự.

### **Điều 28: Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Đại Á Ngân hàng.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo



ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Đại Á Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Đại Á Ngân hàng;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- đ. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Đại Á Ngân hàng phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

### **Điều 29: Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
  - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đại Á Ngân hàng;
  - b. Thông qua định hướng phát triển Đại Á Ngân hàng; ngân sách mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản hàng năm theo đề xuất của Hội đồng Quản trị;
  - c. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - d. Thông qua phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; mức cổ tức hàng năm và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng Quản trị;
  - đ. Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - e. Thông qua đề nghị của Hội đồng Quản trị về việc niêm yết hoặc hủy bỏ niêm yết công khai bất kỳ hoặc tất cả cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Đại Á Ngân hàng;
  - g. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản Đại Á Ngân hàng có giá trị từ 50% vốn tự có của Đại Á Ngân hàng trở lên;
  - h. Thông qua việc thành lập công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng;
  - i. Thông qua đề nghị của Hội đồng Quản trị về việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - k. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát khi hết nhiệm kỳ hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ;



- l. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
  - m. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Đại Á Ngân hàng và Cổ đông của Đại Á Ngân hàng;
  - n. Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của Đại Á Ngân hàng.
  - o. Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Đại Á Ngân hàng;
  - p. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Đại Á Ngân hàng;
  - q. Quyết định chọn đơn vị Kiểm toán độc lập;
  - r. Giám sát và đánh giá các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
  - s. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Đại Á Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn các luật này với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng. Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
  - t. Thông qua quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 30: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Đại Á Ngân hàng được tổ chức mỗi năm một lần, do Hội đồng Quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, khi có sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đề nghị Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
  - c. Khi số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích triệu tập Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông có liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);



- đ. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - e. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm a, b, đ và e khoản 2 Điều này.
  4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 2 và 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  5. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Đại Á Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ngân hàng Nhà nước giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
  6. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.
  7. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam.
  8. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Đại Á Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
  9. Trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Đại Á Ngân hàng.

### **Điều 31: Thông báo mời họp, chương trình họp và nội dung họp đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 30 của Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai mạc đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.



3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Đại Á Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên các phương tiện của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Đại Á Ngân hàng, 01 tờ báo Trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi Đại Á Ngân hàng đặt trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo bằng văn bản cho Đại Á Ngân hàng về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Đại Á Ngân hàng, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Đại Á Ngân hàng có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Đại Á Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Đại Á Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Đại Á Ngân hàng ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
8. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 32: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc



hợp. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Đại Á Ngân hàng. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới tổ chức lại hoặc cá nhân thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc tổ chức lại hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người được dự hợp theo quy định của pháp luật.
3. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Đại Á Ngân hàng được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền nộp văn bản này trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:
  - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự hợp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự hợp;
  - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự hợp.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
5. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Đại Á Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

### **Điều 33: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% trong tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp không đủ số đại biểu cần thiết để tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định.



4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 34: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại Á Ngân hàng phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Đại Á Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.



8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
  9. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
    - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
    - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
    - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
  10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
    - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
    - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
  11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- Hàng năm Đại Á Ngân hàng phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 35: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông dự họp đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành không được thực hiện đúng như quy định.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, i, k, m, o, s khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau:



- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp chấp thuận theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 59 của Luật các Tổ chức Tín dụng.
  - b. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Đại hội đồng cổ đông phải xác định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập cần có trong Hội đồng Quản trị để thực hiện bầu riêng.
  - c. Đối với quyết định các vấn đề sau thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 59 Luật các Tổ chức Tín dụng:
    - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại cổ phần được quyền chào bán;
    - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đại Á Ngân hàng;
    - Tổ chức lại, giải thể Đại Á Ngân hàng;
    - Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh;
6. Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận theo quy định Luật các Tổ chức Tín dụng.

**Điều 36: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Đại Á Ngân hàng;
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - đ. Thời hạn phải gửi về Đại Á Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;



- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Á Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Á Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Đại Á Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - đ. Các quyết định đã được thông qua;
  - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37: Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Đại Á Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;



- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Đại Á Ngân hàng).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Đại Á Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 38: Thay đổi các quyền**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 32 và Điều 34 của Điều lệ này.

Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Đại Á Ngân hàng sẽ không bị thay đổi khi Đại Á Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 39: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Đại Á Ngân hàng. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại Á Ngân hàng;



- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chủ tọa và thư ký;
  - đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các quyết định đã được thông qua;
  - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký;
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
  3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai và thông báo cho tất cả cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 40: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Á Ngân hàng;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Đại Á Ngân hàng.

### **MỤC 3** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 41: Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Đại Á Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Đại Á Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại Á Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ năm (05) người đến mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định



trong từng thời kỳ. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu (5%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn 10% quy định tại Điều lệ) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Đại Á Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Đại Á Ngân hàng.
7. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Đại Á Ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

#### **Điều 42: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Đại Á Ngân hàng.



3. Quyết định cơ cấu tổ chức của Hội sở chính, bộ phận Kiểm toán nội bộ, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Quyết định mở Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ, Giám đốc Sở Giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trên cơ sở quy chế nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Cử người đại diện phần vốn Đại Á Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
8. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của Đại Á Ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Đại Á Ngân hàng (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật) với các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần từ 05% vốn điều lệ của Đại Á Ngân hàng trở lên và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn tự có của Đại Á Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
11. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
13. Ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Đại Á Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Đại Á Ngân hàng.
21. Quyết định mua lại cổ phần của Đại Á Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.
22. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.



23. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
26. Tổ chức, triển khai, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.
27. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của *Điều lệ Đại Á Ngân hàng*.

#### **Điều 43: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị bầu ra Chủ tịch và các Phó Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc của Đại Á Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Đại Á Ngân hàng.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
  - a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
  - c. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
  - d. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;
  - đ. Đảm bảo việc gửi các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Đại Á Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
  - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
  - h. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ quyền hạn của họ;
  - i. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;



- k. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
- l. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Đại Á Ngân hàng với Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền, nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

#### **Điều 44: Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị quản trị Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Á Ngân hàng.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch một cách trung thực vì lợi ích của Đại Á Ngân hàng.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do Kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Đại Á Ngân hàng, Kiểm toán viên độc lập và Kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
6. Yêu cầu Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ này.
7. Có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trực thuộc Đại Á Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Đại Á Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
8. Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Đại Á Ngân hàng trong từng thời kỳ.
9. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, thảo luận, biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình.
10. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.





11. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

#### **Điều 45: Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công vụ và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Đại Á Ngân hàng. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được dự trù theo định mức chung của Đại Á Ngân hàng.
2. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, tiền thưởng, chi phí phục vụ công tác của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.
3. Chi phí hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Đại Á Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

#### **Điều 46: Tiêu chuẩn và điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ.
  - c. Hiểu biết về hoạt động ngân hàng:
    - Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành kinh tế hoặc luật; hoặc
    - Có ít nhất 03 năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc
    - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của ngân hàng, và có chứng chỉ xác nhận đã qua chương trình đào tạo về ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có ít nhất 01 năm làm việc trong ngành ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Đại Á Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó.



- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao, phụ cấp khác của Đại Á Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.
  - c. Không phải là người mà vợ, chồng, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình mà: (i) sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Á Ngân hàng; (ii) là người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Đại Á Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời gian nào trong 03 năm trước đó.
  - d. Không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 01% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Á Ngân hàng.
  - e. Không cùng người có liên quan theo quy định tại Điều lệ này sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Đại Á Ngân hàng.
3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này thành viên Hội đồng Quản trị của Đại Á Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

**Điều 47: Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b. Vi phạm Điều 62 của Điều lệ này;
  - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà thành viên Hội đồng Quản trị đó là người đại diện vốn góp) chấm dứt;
  - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
  - e. Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Đại Á Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g. Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y chức danh nhiệm kỳ mới có hiệu lực mà thành viên Hội đồng Quản trị đó không được bổ nhiệm lại.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị của Đại Á Ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;



- b. Có đơn xin từ chức (nêu rõ lý do từ chức);
  - c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
  - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 62 và 63 Điều lệ này;
  - f. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết.
6. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
  7. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đại Á Ngân hàng.
  8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều này, Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 48: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị**

1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên của nhiệm kỳ bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số cử một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. **Các cuộc họp thường kỳ:**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày dự kiến họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một lần.
3. **Các cuộc họp bất thường:**  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi có một trong các trường hợp sau:
  - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Đại Á Ngân hàng;
  - d. Có đề nghị của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 05% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.



Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Đại Á Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
5. **Địa điểm họp:** Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Đại Á Ngân hàng hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. **Thông báo và chương trình họp:**

- a. Người triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo khoản 2 và khoản 4 Điều này phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể hình thức họp, địa điểm họp, thời gian họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp và tài liệu đính kèm phải được gửi bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
- b. Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải có liên lạc báo về hình thức gửi thông báo cho từng thành viên biết và bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Đại Á Ngân hàng.

7. **Số thành viên tham dự tối thiểu:**

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp;

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp;

Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị;

Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

8. **Biểu quyết:**

- a. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Đại Á Ngân hàng;
- c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu



quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

#### 9. Công khai lợi ích:

- a. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Đại Á Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan với Đại Á Ngân hàng, bao gồm:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý từ 05% vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó trở lên; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
- b. Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Đại Á Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- c. Việc kê khai theo quy định tại điểm a và điểm b Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hoặc thông báo định kỳ hằng năm cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn của Đại Á Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng.

#### 10. Biểu quyết đa số:

Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

#### 11. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

#### 12. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi hình. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, hai bản này đều có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản



này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- b. Thời gian, hình thức và địa điểm họp;
- c. Họ, tên từng thành viên dự họp trực tiếp, người được ủy quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- đ. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp;
- e. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g. Các quyết định đã được thông qua;
- h. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên dự họp trực tiếp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị;
- i. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng;
- k. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chuyển đi.

#### **Điều 49: Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp**

Hội đồng Quản trị và các tiểu ban của Hội đồng Quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kiểm toán độc lập, và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Đại Á Ngân hàng.

#### **Điều 50: Văn phòng Hội đồng Quản trị**

1. Văn phòng Hội đồng Quản trị là cơ quan giúp việc cho Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng.
2. Văn phòng Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ theo quy chế cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định.

### **MỤC 4** **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 51: Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hàng ngày hoạt động của Đại Á Ngân hàng. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm một trong số thành viên Hội đồng Quản trị.



3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc tối đa là 03 năm, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:
  - a. Điều hành và quyết định các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh hàng ngày của Đại Á Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Đại Á Ngân hàng, hợp đồng lao động với Đại Á Ngân hàng, các quyết định của Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định nêu trên mà gây thiệt hại cho Đại Á Ngân hàng thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Đại Á Ngân hàng.
  - b. Tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Đại Á Ngân hàng sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị.
  - d. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả; lập các báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
  - đ. Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin, báo cáo.
  - e. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và những thông tin tài chính khác.
  - g. Tuyển dụng lao động.
  - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật các chức danh quản lý trong Đại Á Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy chế nội bộ của Đại Á Ngân hàng. Quyết định mức lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Đại Á Ngân hàng, kể cả những người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
  - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
  - k. Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - l. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp.
  - m. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - n. Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Đại Á Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đại Á Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
  - o. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 48 Điều lệ này.
  - p. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.



## **Điều 52: Giúp việc cho Tổng Giám đốc**

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban chức năng và các chức danh khác theo quy định của Đại Á Ngân hàng.
2. Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Đại Á Ngân hàng theo phân công của Tổng Giám đốc; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện những nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.
3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
4. Phó Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát và điều hành nào tại tổ chức tín dụng hoặc công ty khác, trừ trường hợp là công ty trực thuộc Đại Á Ngân hàng hoặc công ty mà Đại Á Ngân hàng có góp vốn cổ phần.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Đại Á Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Đại Á Ngân hàng.

## **Điều 53: Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b. Vi phạm Điều 62 Điều lệ này;
  - c. Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - d. Đại Á Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
  - đ. Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y chức danh Tổng Giám đốc nhiệm kỳ mới có hiệu lực;
  - e. Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của Tổng Giám đốc bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
5. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
  - b. Có đơn xin từ chức (nêu rõ lý do từ chức);



- c. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 62 và 63 Điều lệ này;
  - d. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
6. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Á Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
  7. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, của Đại Á Ngân hàng.
  8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 5 Điều này, Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng Quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.

**Điều 54: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ.
  - c. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
    - Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành tài chính ngân hàng và có ít nhất 03 năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của ngân hàng thương mại; hoặc
    - Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành không phải ngành tài chính ngân hàng và có ít nhất 05 năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của ngân hàng thương mại.
  - d. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
2. Phó Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.
  - b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:
    - Có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc
    - Có bằng đại học hoặc trên đại học ngoài ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận.



c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

### **Điều 55: Người quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Đại Á Ngân hàng được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Đại Á Ngân hàng do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Đại Á Ngân hàng đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người quản lý sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

## **MỤC 5** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 56: Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Đại Á Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Ban Kiểm soát của Đại Á Ngân hàng có tối thiểu 03 (ba) thành viên và trong đó có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách.
3. Ban Kiểm soát bầu 01 thành viên làm Trưởng Ban. Kiểm Soát viên không nhất thiết phải là cổ đông.  
Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc và được sử dụng bộ phận Kiểm toán nội bộ của Đại Á Ngân hàng để thực hiện các nhiệm vụ của mình.  
Kiểm soát viên chuyên trách phải tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, luật, am hiểu nghiệp vụ kế toán ngân hàng và phải cam kết sẽ làm việc thường trực tại Đại Á Ngân hàng sau khi được bầu.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **Điều 57: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Á Ngân hàng trong quản trị, điều hành Đại Á Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Xây dựng quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Đại Á Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.



4. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Đại Á Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và ý kiến lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Đại Á Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Đại Á Ngân hàng.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý của Đại Á Ngân hàng đối với nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
7. Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của Đại Á Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
8. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về ngân hàng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 58: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát.**

1. **Trưởng Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:**
  - a. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều lệ này;
  - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
  - c. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
  - d. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
  - đ. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy chế nội bộ của Đại Á Ngân hàng;
  - e. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;



- g. Giám sát, chỉ đạo thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
  - h. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
  - i. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Đại Á Ngân hàng;
  - k. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:**
- a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Đại Á Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Đại Á Ngân hàng và cổ đông;
  - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;
  - c. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường;
  - d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
  - đ. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Đại Á Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
  - e. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
  - g. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
  - h. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết;
  - i. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị, nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
  - k. Đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ này.
- 3. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban Kiểm soát:**
- a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
  - b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
  - c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- 4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:**



- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Đại Á Ngân hàng phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Đại Á Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Đại Á Ngân hàng làm việc để thực thi nhiệm vụ;
- d. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Đại Á Ngân hàng theo yêu cầu Ban Kiểm soát.

**Điều 59: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng bị cấm làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật;
2. Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật;
3. Có trình độ đại học, trên đại học các ngành kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, luật, hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
4. Không được kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành Đại Á Ngân hàng;
5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên chuyên trách);
6. Theo các quy định khác của Điều lệ này.

**Điều 60: Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b. Vi phạm Điều 62 của Điều lệ này;
  - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà thành viên Ban Kiểm soát đó là người đại diện vốn góp) chấm dứt;
  - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
  - e. Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Đại Á Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g. Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y chức danh nhiệm kỳ mới có hiệu lực mà thành viên Ban Kiểm soát đó không được bổ nhiệm lại.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các thành viên Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này



trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát của Đại Á Ngân hàng sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
  - b. Có đơn xin từ chức (nêu rõ lý do từ chức);
  - c. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 62 và 63 của Điều lệ này;
  - d. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết.
5. Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát Đại Á Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
6. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, của Đại Á Ngân hàng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều này, Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 61: Cuộc họp của Ban Kiểm soát.**

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau khi bầu cử Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp, dự kiến chương trình, thời gian, địa điểm họp và thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát biết trước ít nhất 02 ngày.
3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
  - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng;
  - b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
  - c. Trưởng Ban Kiểm soát;
  - d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;
  - đ. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng;
  - e. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu 05% tổng số cổ phần phổ thông của Đại Á Ngân hàng liên tục trong thời hạn 06 tháng.



- g. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.
4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, đ, e, g của khoản 2 Điều này Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- Trường hợp, sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban Kiểm soát bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa giải quyết.
5. Địa điểm họp: tại trụ sở làm việc của Đại Á Ngân hàng.
6. Thông báo và chương trình họp: cuộc họp được tiến hành sau 2 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được lập bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.
7. Số thành viên tham dự yêu cầu cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập lần đầu không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập lần thứ hai trong thời gian không quá 07 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.
8. **Biểu quyết:**
- a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết thực hiện biểu quyết thay).
- b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt dự họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền được biểu quyết hoặc những nghi ngờ đó không được thành viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp, phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận.
9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu hiểu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc thỏa thuận dự kiến giao kết với Đại Á Ngân hàng phải khai báo bản chất, quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát. Tại đây, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của



mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên Ban Kiểm soát phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết đã có quyền lợi liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất 51% thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
11. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất 51% số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
12. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm phân công người lập và gửi biên bản cuộc họp tới các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

## MUC 6

### **NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ**

#### **Điều 62: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng:
  - a. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
  - c. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu, người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu Nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp khác;
  - đ. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
  - e. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là Kế toán trưởng của Đại Á Ngân hàng.



2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Đại Á Ngân hàng:
  - a. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh của công ty hợp doanh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban Quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - c. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
  - d. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Đại Á ngân hàng theo quy định tại Điều 25 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại hoặc bị cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Đại Á ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
  - đ. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Đại Á Ngân hàng.

**Điều 63: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Đại Á Ngân hàng:
  - a. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị hoặc tổ chức đó là công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng;
  - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Đại Á Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Đại Á Ngân hàng, không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng.
2. Thành viên Ban Kiểm soát:
  - a. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của Đại Á Ngân hàng hoặc công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng;
  - b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.
  - c. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.
3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty trực thuộc của Đại Á Ngân hàng; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp khác.



**MỤC 7**  
**NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN  
BAN ĐIỀU HÀNH**

**Điều 64: Công khai các lợi ích liên quan.**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban Điều hành phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Đại Á Ngân hàng, bao gồm:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 05% vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Đại Á Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho cổ đông của Đại Á Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Đại Á Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Đại Á Ngân hàng.

**Điều 65: Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành**

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban Điều hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Đại Á Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Đại Á Ngân hàng với mức độ thận

trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.



## **Điều 66: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành được uỷ thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Đại Á Ngân hàng có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Đại Á Ngân hàng và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng Quản trị bất kỳ quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.
3. Các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các Điều 77, 78, 79, 80 của Luật Các Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung và văn bản hướng dẫn dưới luật) của Đại Á Ngân hàng đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và với người có liên quan đến cổ đông lớn thì chỉ được ký kết nếu đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định sau:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Đại Á Ngân hàng thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
  - b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của Đại Á Ngân hàng thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật, Những người gây thiệt hại cho Đại Á Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Đại Á Ngân hàng hay của các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

## **Điều 67: Trách nhiệm bồi thường.**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Đại Á Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. Đại Á Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Đại Á Ngân hàng, mà những người này phải tham gia với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Đại Á Ngân hàng.



## MỤC 8 **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 68: Công nhân viên và công đoàn :**

Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Đại Á Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Đại Á Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG IV **MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN** MỤC 1 **CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY TRỰC THUỘC, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA NGÂN HÀNG**

### **Điều 69: Các đơn vị trực thuộc, công ty trực thuộc, công ty liên kết của Đại Á Ngân hàng**

1. Đại Á Ngân hàng có các Đơn vị trực thuộc, các Công ty trực thuộc.
2. Đại Á Ngân hàng có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc ở trong nước và nước ngoài để hỗ trợ hoạt động của Đại Á Ngân hàng theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

## MỤC 2 **QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

### **Điều 70: Quan hệ giữa Đại Á Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc**

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Đại Á Ngân hàng, thực hiện hoạt động kinh doanh, hoạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Đại Á Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế hoạt động do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. Đại Á Ngân hàng chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

## MỤC 3 **QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

### **Điều 71: Quản lý vốn góp của Đại Á Ngân hàng trong các công ty có liên quan**

1. Đại Á Ngân hàng giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Đại Á Ngân hàng trực tiếp thay mặt Đại Á Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Đại Á Ngân hàng tại các Công ty có liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.



2. Đại Á Ngân hàng quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Đại Á Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Đại Á Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành tại từng thời điểm cử người đại diện cụ thể.

**Điều 72: Chi phối liên kết các công ty có liên quan**

1. Khi Đại Á Ngân hàng nắm quyền chi phối đối với một Công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:
  - a. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động;
  - b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh;
  - c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;
  - d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan;
  - e. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;
  - f. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Đại Á Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Đại Á Ngân hàng để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;
  - g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Đại Á Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan;
  - h. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định của pháp luật.
2. Đại Á Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho các Đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các Đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các thành viên được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định pháp luật.
3. Đại Á Ngân hàng sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Đại Á Ngân hàng thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

**Điều 73: Quyền và nghĩa vụ của Đại Á Ngân hàng đối với các công ty trực thuộc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Đại Á Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Đại Á Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng Thành viên trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch Công ty đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty.



3. Đại Á Ngân hàng ủy quyền cho Hội đồng Thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:
  - a. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng;
  - b. Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
4. Đại Á Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 74: Quyền và nghĩa vụ của Đại Á Ngân hàng đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần**

1. Đại Á Ngân hàng thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên.
2. Được hưởng các quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, của các Công ty trực thuộc tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

**CHƯƠNG V**  
**CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**  
**MỤC 1**  
**HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Điều 75: Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Đại Á Ngân hàng sử dụng là Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.
2. Đại Á Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của Đại Á Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật.

**Điều 76: Năm tài chính**

Năm tài chính của Đại Á Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

**MỤC 2**  
**KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU**

**Điều 77: Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm



toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Đại Á Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

2. Đại Á Ngân hàng sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Đại Á Ngân hàng, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Đại Á Ngân hàng phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Đại Á Ngân hàng.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Đại Á Ngân hàng sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

#### **Điều 78: Con dấu**

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Đại Á Ngân hàng và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **MUC 3** **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 79: Phân chia lợi nhuận sau thuế**

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Đại Á Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 80: Trích lập quỹ**

1. Đại Á Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.
2. Hàng năm, Đại Á Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
  - a. Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ với mức từ 01% đến 05% lợi nhuận sau thuế của Đại Á Ngân hàng. Mức tối đa của quỹ này không vượt vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng theo quy định của pháp luật;
  - b. Trích lập vào quỹ dự trữ tài chính với mức 10% lợi nhuận sau thuế của Đại Á Ngân hàng và chỉ tiếp tục trích nộp tới khi bằng 25% vốn Điều lệ của Đại Á Ngân hàng và các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Trả cổ tức cho các cổ đông.

Tỷ lệ trích lập các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.



## **Điều 81: Cổ tức**

1. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Đại Á Ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật;
2. Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do doanh nghiệp khác phát hành).
3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Đại Á Ngân hàng sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản khi Đại Á Ngân hàng đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Đại Á Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của cổ đông. Trường hợp Đại Á Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Đại Á Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Đại Á Ngân hàng chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
4. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.
5. Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông của Đại Á Ngân hàng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc các tài liệu khác.

## **Điều 82: Trả cổ tức**

1. Cổ tức được chi trả theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. Đại Á Ngân hàng chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên kết quả kiểm toán sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Đại Á Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Đại Á Ngân hàng vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 45 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 10 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm chốt danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Đại Á Ngân hàng.



## **CHƯƠNG VI**

### **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ ĐẠI Á NGÂN HÀNG**

#### **Điều 83: Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý**

1. Đại Á Ngân hàng phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 79 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Đại Á Ngân hàng trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Đại Á Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Đại Á Ngân hàng là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Đại Á Ngân hàng và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Đại Á Ngân hàng phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Đại Á Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Đại Á Ngân hàng phải được công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Đại Á Ngân hàng, tại trụ sở chính của Đại Á Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 84: Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Đại Á Ngân hàng danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Đại Á Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Đại Á Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Đại Á Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban



Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Đại Á Ngân hàng cấp một bản Điều lệ Đại Á Ngân hàng miễn phí. Trường hợp Đại Á Ngân hàng có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

#### **Điều 85: Chế độ lưu giữ tài liệu của Đại Á Ngân hàng**

1. Đại Á Ngân hàng phải lưu trữ các tài liệu sau đây tại trụ sở Đại Á Ngân hàng:
  - a. Điều lệ Đại Á Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đại Á Ngân hàng; quy chế quản lý nội bộ của Đại Á Ngân hàng; Sổ đăng ký cổ đông;
  - b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
  - c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Đại Á Ngân hàng;
  - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, các quyết định của Đại Á Ngân hàng;
  - đ. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
  - e. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan Thanh tra, kết luận của tổ chức Kiểm toán độc lập;
  - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
  - h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc Đại Á Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Đại Á Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

#### **Điều 86: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Đại Á Ngân hàng phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật liên quan.

## **CHƯƠNG VII** **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG**

#### **Điều 87: Tổ chức lại**

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Đại Á Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 88: Giải thể ngân hàng**

1. Đại Á Ngân hàng bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
  - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;



- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại Á Ngân hàng chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Các quyết định giải thể Đại Á Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **Điều 89: Phá sản ngân hàng**

Việc phá sản Đại Á Ngân hàng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về phá sản.

## **CHƯƠNG VIII** **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 90: Giải quyết tranh chấp nội bộ.**

1. Mọi sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Đại Á Ngân hàng hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:
  - a. Một cổ đông hay các cổ đông và Đại Á Ngân hàng; hoặc
  - b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí do Tòa án phán quyết.

## **CHƯƠNG IX** **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 91: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông Đại Á Ngân hàng xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Đại Á Ngân hàng chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Đại Á Ngân hàng.



## CHƯƠNG X **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 92: Điều khoản thi hành và ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 10 chương 92 Điều đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sửa đổi, bổ sung, chấp thuận hiệu lực toàn văn tại Quyết định số 2997/QĐ-NHNN ngày 16/12/2010, Công văn số 9984/NHNN-TTGSNH ngày 23/12/2010 và Quyết định số 1316/QĐ-NHNN ngày 03/7/2012, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á nhất trí thông qua ngày 19/4/2012 bổ sung nội dung Điều 5 hoạt động của Đại Á Ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 thông qua ngày 25/9/2013 sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 19 (chuyên nhượng cổ phần).

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2013, gồm 10 Chương 92 Điều và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh Đồng Nai.
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
  - c. 04 bản lưu tại Văn phòng Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Đại Á Ngân hàng.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Đại Á Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị. /.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT

  
  
**Chu Việt Cường**